

BIỂU PHÍ VAY MUA NHÀ VAY THỂ CHẤP NHÀ HSBC

4. Phí đăng ký/ xóa giao dịch đảm bảo tại Cục Đăng ký Quốc gia Giao dịch Bảo đảm (NRAST):

- Đăng ký: 90.000 VND/ lần
- Xóa: 495.000 VND/ lần

5. Phí công chứng Nhà nước:

Theo Biểu Phí của phòng Công chứng

6. Phí bảo hiểm tài sản:

- **Bảo hiểm Bảo Việt:** Phí bảo hiểm = 0,17% x giá trị nhà (đây là phí bảo hiểm của 3 năm, sau 3 năm sẽ tái tục và phí này diễn ra trong suốt quá trình vay)
- **Các công ty bảo hiểm khác:** Tham khảo Biểu Phí từng công ty (danh sách tại mục bên dưới)

STT	Công ty bảo hiểm được Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam chấp nhận
1	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh
3	Công ty TNHH Bảo Việt Tokio Marine
4	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI
5	Công ty Bảo Hiểm Liên Hiệp
6	Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam
7	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện – PTI
8	Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty
9	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
10	Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ MSIG Việt Nam

Lưu ý:

Biểu phí có hiệu lực từ ngày 16/08/2020.

Khách hàng sẽ trực tiếp thanh toán cho các công ty cung cấp dịch vụ. Các mức phí đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%).

Các phí tại đây thay thế các phí đã thông báo trước đây, có thể được thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ tùy từng thời điểm và sẽ chỉ được thông báo trước khi pháp luật yêu cầu.

1. Phí dịch vụ pháp lý của công ty Hoàng Quân:

Địa điểm của tài sản thế chấp	Phí dịch vụ (VND)		Ghi chú
	Nội thành	Ngoại thành	
1. Thành phố Hồ Chí Minh	1.750.000/ tài sản/ lần	2.100.000/ tài sản/ lần	Nội thành: Quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 12, Bình Thạnh, Tân Bình, Gò Vấp, Tân Phú, Bình Tân, Phú Nhuận Ngoại thành: Quận 9, Thủ Đức, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn
2. Đà Nẵng	1.750.000/ tài sản/ lần	2.100.000/ tài sản/ lần	Nội thành: Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ Ngoại thành: Hòa Vang
3. Hà Nội	1.750.000/ tài sản/ lần	2.400.000/ tài sản/ lần	Nội thành: Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Long Biên, Cầu Giấy, Ba Đình, Tây Hồ, Thanh Xuân, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Thanh Trì Ngoại thành: Quận Hà Đông, huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Mỹ, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Đan Phượng, Thạch Thất, Mê Linh, thị xã Sơn Tây
4. Các tỉnh thành khác	4.500.000/ tài sản/ lần		Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An, Dĩ An, Biên Hòa
	5.500.000/ tài sản/ lần		Bến Cát, Phú Giáo, Dầu Tiếng, Định Quán, Tân Phú, Long Khánh, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc
	8.500.000/ tài sản/ lần		Huế, Tam Kỳ (Quảng Nam)



**2. Phí đăng ký giao dịch chuyển tiếp
(dành cho các dự án chung cư đang
xây dựng được HSBC tài trợ):**

Biểu Phí chi tiết giống với mục 1, 4, 5.

3. Phí thẩm định giá trị tài sản thế chấp là nhà:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
Quận	Phí chuẩn (VND)	Phí dịch vụ (VND)	Thời gian nhận hồ sơ và gửi kết quả
1	2.100.000	2.730.000	Chuẩn: Trước 10h: 1,5 ngày làm việc Sau 10h: 2 ngày làm việc Dịch vụ: Trước 10h: 1 ngày làm việc Sau 10h: 1,5 ngày làm việc
2	2.100.000	2.730.000	
3	2.100.000	2.730.000	
4	2.100.000	2.730.000	
5	2.100.000	2.730.000	
6	2.100.000	2.730.000	
7	2.100.000	2.730.000	
8	2.100.000	2.730.000	
10	2.100.000	2.730.000	
11	2.100.000	2.730.000	
Bình Thạnh	2.100.000	2.730.000	
Phú Nhuận	2.100.000	2.730.000	
9	2.500.000	3.300.000	Chuẩn: 2 ngày làm việc Dịch vụ: 1,5 ngày làm việc
12	2.500.000	3.300.000	
Gò Vấp	2.100.000	2.730.000	
Tân Bình	2.100.000	2.730.000	
Tân Phú	2.100.000	2.730.000	
Thủ Đức	2.500.000	3.300.000	
Bình Tân	2.500.000	3.300.000	
Bình Chánh	2.500.000	3.900.000	
Hóc Môn	3.300.000	-	
Củ Chi	4.400.000	-	
Nhà Bè	3.300.000	4.300.000	
Cần Giờ	4.400.000	-	

HÀ NỘI			
Quận	Phí chuẩn (VND)	Phí dịch vụ (VND)	Thời gian nhận hồ sơ và gửi kết quả
Ba Đình	2.100.000	2.700.000	Chuẩn: Trước 10h: 1,5 ngày làm việc Sau 10h: 2 ngày làm việc Dịch vụ: Trước 10h: 1 ngày làm việc Sau 10h: 1,5 ngày làm việc
Cầu Giấy	2.100.000	2.700.000	
Đống Đa	2.100.000	2.700.000	
Hai Bà Trưng	2.100.000	2.700.000	
Hoàn Kiếm	2.100.000	2.700.000	
Hoàng Mai	2.100.000	2.700.000	
Long Biên	2.100.000	2.700.000	
Tây Hồ	2.100.000	2.700.000	
Thanh Xuân	2.100.000	2.700.000	
Hà Đông	2.600.000	-	
Thanh Trì	2.600.000	-	
Từ Liêm	2.600.000	-	
Gia Lâm	2.600.000	-	Chuẩn: 2 ngày làm việc
Đông Anh	3.300.000	-	
Hoài Đức	3.300.000	-	
Đan Phượng	3.300.000	-	
Thanh Oai	3.300.000	-	
Thường Tín	3.300.000	-	
Ứng Hòa	3.500.000	-	
Mê Linh	3.500.000	-	
Thạch Thất	3.500.000	-	
Quốc Oai	3.500.000	-	
Phúc Thọ	3.500.000	-	
Mỹ Đức	4.500.000	-	
Phú Xuyên	4.500.000	-	
Chương Mỹ	4.500.000	-	
Sóc Sơn	4.500.000	-	
Ba Vì	4.500.000	-	